

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



---

Tháng 08 năm 2025

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 47

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT thường trực	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 25/04/2025
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm kể từ ngày 25/04/2025
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 25/04/2025
Bà Trần Thị Linh	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm kể từ ngày 25/04/2025

**Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm kể từ ngày 25/04/2025
Bà Trần Thị Linh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm kể từ ngày 25/04/2025
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chuyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thủy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm kể từ ngày 03/02/2025

**Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phạm Thị Thu Hằng.

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Trịnh Kiên - Tổng Giám đốc.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Trịnh Kiên**

**Tổng Giám đốc**

*Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025*

Số: 998/2025/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần DNP Holding  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần DNP Holding tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.554.811.703.395</b>	<b>1.454.544.813.752</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	701.244.128.733	662.359.503.003
Tiền	111		49.864.128.733	60.459.503.003
Các khoản tương đương tiền	112		651.380.000.000	601.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.1</b>	<b>89.943.719.093</b>	<b>99.009.778.696</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		89.943.719.093	99.009.778.696
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>481.707.824.432</b>	<b>462.651.468.913</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	527.971.524.884	441.753.774.419
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	15.374.470.761	112.603.118.264
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.714.908.422	34.259.199.745
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,7,8	(133.553.079.635)	(126.164.623.515)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>240.470.443.007</b>	<b>200.549.564.633</b>
Hàng tồn kho	141		242.569.021.517	202.648.143.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.098.578.510)	(2.098.578.510)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.445.588.130</b>	<b>29.974.498.507</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.153.491.444	1.348.194.234
Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.785.250.764	25.736.314.393
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.506.845.922	2.889.989.880
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.772.081.577.614</b>	<b>2.768.796.848.384</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.357.467.077</b>	<b>4.693.662.322</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	4.357.467.077	4.693.662.322
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.566.115.636</b>	<b>85.139.229.351</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	47.147.086.474	50.823.732.929
- Nguyên giá	222		238.661.266.249	234.345.696.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.514.179.775)	(183.521.963.473)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	28.070.327.043	33.928.805.549
- Nguyên giá	225		45.887.646.334	47.470.598.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.817.319.291)	(13.541.792.992)
Tài sản cố định vô hình	227	13	348.702.119	386.690.873
- Nguyên giá	228		455.865.000	455.865.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.162.881)	(69.174.127)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.631.121.622</b>	<b>2.000.735.575</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.631.121.622	2.000.735.575
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.668.772.387.166</b>	<b>2.658.672.387.166</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	2.663.672.387.166	2.653.572.387.166
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1	5.100.000.000	5.100.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.754.486.113</b>	<b>18.290.833.970</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.377.748.306	5.914.096.163
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.376.737.807	12.376.737.807
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.326.893.281.009</b>	<b>4.223.341.662.136</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.173.352.174.077</b>	<b>2.088.587.898.212</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.539.128.589.313</b>	<b>1.444.818.062.606</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	226.538.956.411	119.371.157.510
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	4.371.727.286	6.530.358.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.227.509.474	1.850.377.364
Phải trả người lao động	314		5.566.041.418	8.562.722.781
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	23.360.978.555	12.483.060.280
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	362.537.470	240.356.746
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.271.642.150.718	1.293.721.341.382
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.058.687.981	2.058.687.981
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>634.223.584.764</b>	<b>643.769.835.606</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.564.748.517	1.979.749.359
Phải trả dài hạn khác	337	19	460.000.000.000	466.700.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	172.658.836.247	175.090.086.247
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.153.541.106.932</b>	<b>2.134.753.763.924</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>2.153.541.106.932</b>	<b>2.134.753.763.924</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		506.898.575.480	506.898.575.480
Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(28.342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		725.180.292	725.180.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236.197.233.160	217.409.890.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		217.409.890.152	176.653.513.288
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.787.343.008	40.756.376.864
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.326.893.281.009</b>	<b>4.223.341.662.136</b>



Trịnh Kiên  
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Quân  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.483.039.933.454	1.414.147.718.684
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	289.524.701	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.482.750.408.753</b>	<b>1.414.147.718.684</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	1.362.506.452.616	1.282.081.555.748
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>120.243.956.137</b>	<b>132.066.162.936</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	26.412.795.100	16.482.750.998
Chi phí tài chính	22	26	68.468.676.919	74.007.689.606
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>61.050.082.005</i>	<i>51.688.925.478</i>
Chi phí bán hàng	25	27	23.856.701.921	20.666.713.592
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	29.244.801.150	31.760.930.485
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25.086.571.247</b>	<b>22.113.580.251</b>
Thu nhập khác	31	29	372.865.574	25.509.148.680
Chi phí khác	32	30	837.807.775	25.388.843.933
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(464.942.201)</b>	<b>120.304.747</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.621.629.046</b>	<b>22.233.884.998</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.834.286.038	4.850.364.247
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18.787.343.008</b>	<b>17.383.520.751</b>

Trịnh Kiên  
Tổng Giám đốcPhạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quân  
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.621.629.046	22.233.884.998
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.305.731.355	11.977.952.653
Các khoản dự phòng	03		7.388.456.120	12.918.230.727
Lỗ /(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		411.124.481	3.138.416.504
(Lãi) / Lỗ hoạt động đầu tư	05		(31.284.532.682)	(18.882.699.987)
Chi phí lãi vay	06		61.050.082.005	51.688.925.478
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		74.492.490.325	83.074.710.373
(Tăng) các khoản phải thu	09		(21.357.086.562)	(181.425.862.801)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(39.920.878.374)	(15.948.294.287)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		95.294.891.766	30.767.708.401
Giảm / (Tăng) chi phí trả trước	12		731.050.647	(859.184.455)
Tiền lãi vay đã trả	14		(50.989.956.082)	(50.928.970.162)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.457.153.928)	(19.530.410.534)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		55.793.357.792	(154.850.303.465)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.970.726.616)	(7.612.741.408)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	26.937.028.424
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(933.940.397)	(60.310.402.910)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	37.101.418.034
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.100.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	129.840.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.858.503.437	13.161.294.948
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		7.853.836.424	139.116.597.088

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.262.096.919.310	1.269.769.670.038
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.281.984.792.995)	(1.138.432.123.858)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.151.316.979)	(9.966.080.248)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.039.190.664)</b>	<b>121.371.465.932</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>38.608.003.552</b>	<b>105.637.759.555</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	662.359.503.003	447.103.130.936
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		276.622.178	744.883.344
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>701.244.128.733</b>	<b>553.485.773.835</b>



**Trịnh Kiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**Phạm Thị Thu Hằng**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Hữu Quân**  
**Người lập biểu**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

Mẫu số B09a - DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hiện tại Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: DNP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty chi tiết như sau:

- Tại ngày 30/06/2025, vốn điều lệ của Công ty là: 1.409.748.460.000 đồng, tương đương 140.974.846 cổ phần, theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 09 năm 2024.
- Mệnh giá cổ phần tại Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2025 là 223 người (tại 31/12/2024 là 218 người).

**1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính trong kỳ kế toán của Công ty là sản xuất sản phẩm từ nhựa.

**1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 05 Công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Lô 6 Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư vào các công ty/dự án nước sạch	51,15	51,15
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương Mại DNP	Lô 13, đường D4, KCN Đất Đỏ I, Xã Phước Long Thọ, Huyện Long Đất, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất và thương mại sản phẩm plastic	77,93	100,00

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 26 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2024: 25 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP- Bắc Giang	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,15	100,00
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,34	92,55
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,95	97,04
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	57,26
5	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	52,68
6	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489, đường 30/4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,99	59,47
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	50,10	97,90
8	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	40,28	99,93
9	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	50,00



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
10	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	121 Trần Thái Tông, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	49,17	99,00
11	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	51,51
12	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	100,00
13	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	100,00
14	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,06	84,19
15	Công ty Cổ phần Nước thô DNP-Sông Tiền	ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,18	92,24
16	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco VN	Số 7, hẻm 194/70/4, phố Đội Cấn, Thành phố Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	70,00
17	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11 Khu Công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	99,99
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	STH19.25 Đường số 13 Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,13	55,00
19	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Nhà máy nước sạch Dankia 2, Phường Lang Biang - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	23,3	90,00
20	Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	388 Lý Thái Tổ, Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,2	51,00
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường Phú Thọ, TP HCM	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,88	100,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
22	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	477-479 An Dương Vương, Phường Bình Phú, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,88	50,61
23	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT	Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử	51,14	100,00
24	Viện khoa học và công nghệ nước	Tầng 19 tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, thực hiện các dự án lĩnh vực cấp thoát và xử lý nước	39,73	50,00
25	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	12 Trần Quang Khải, Phường An Khê, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20,02	77,33
26	Công ty Cổ phần Năng Lượng DNP	Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM	Cung cấp hệ thống điện mái nhà	26,04	50,90

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 5 Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	25,01
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	25,00
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ Tầng Meta	Tầng 18, tòa nhà Vp Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12,17	24,50
4	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	49,00
5	Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang	Số 386, đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,41	24,29



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2.2 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ***Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Khấu hao tài sản cố định hữu hình*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05-10 năm
Máy móc thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-07 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 THUÊ TÀI SẢN**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí công cụ dụng cụ,
- Chi phí dịch vụ mua ngoài,
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

**3.14 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư, và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc Năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền / Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (TIẾP)**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm nay và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch,
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho Năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với một số bộ phận hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	225.291.922	432.440.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.638.836.811	60.027.062.401
Các khoản tương đương tiền (*)	651.380.000.000	601.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>701.244.128.733</b>	<b>662.359.503.003</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất là 4,0%/năm đến 4,8%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

a) Ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và trên 3 tháng (*)	89.943.719.093	89.943.719.093	99.009.778.696	99.009.778.696
Cộng	89.943.719.093	89.943.719.093	99.009.778.696	99.009.778.696

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ (3) tháng trở lên và không vượt quá một (1) năm, và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5%/năm. Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi ngắn hạn với tổng giá trị khoảng 89 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng.

b) Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư trái phiếu	5.100.000.000	5.100.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
Cộng	5.100.000.000	5.100.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000

Tổ chức phát hành

	Số lượng	Mệnh giá (VND/trái phiếu)	Số tiền	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51.000	100.000	5.100.000.000	Ngày 20 tháng 07 năm 2031	Lãi suất tham chiếu + 1%/năm
Cộng	51.000		5.100.000.000		

Tại ngày 30/06/2025, Công ty đã thế chấp 51.000 trái phiếu năm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo các khoản vay cho ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trán Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>	<b>2.663.672.387.166</b>	-	(**)	<b>2.653.572.387.166</b>	-	(**)
- Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (1)	1.351.497.317.928	-	(**)	1.351.497.317.928	-	(**)
- Công ty Cổ phần CMC (2)	978.815.948.184	-	(**)	978.815.948.184	-	(**)
- Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (3)	285.792.400.700	-	(**)	285.792.400.700	-	(**)
- Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai (4) (trước đây là Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai miền Trung)	37.466.720.354	-	(**)	37.466.720.354	-	(**)
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP (5)	10.100.000.000	-	(**)	-	-	(**)
<b>Cộng</b>	<b>2.663.672.387.166</b>	-	(**)	<b>2.653.572.387.166</b>	-	(**)

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn trên để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP có tỷ lệ lợi ích là 51,15% (tại ngày 01/01/2025 là 51,15%) và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,15% (tại ngày 01/01/2025 là 51,15%).

(2) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CMC có tỷ lệ lợi ích là 51,14% tại ngày 30/06/2025 (tại ngày 01/01/2025 là 51,14%) và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,14% (tại ngày 01/01/2025 là 51,14%).

(3) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam có tỷ lệ lợi ích là 51,01 % (tại ngày 01/01/2025 là 51,01%) và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,01% (tại ngày 01/01/2025 là 51,01%).

(4) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai có tỷ lệ lợi ích là 99,33% (tại ngày 01/01/2025 là 99,33%) và tỷ lệ quyền biểu quyết là 99,33% (tại ngày 01/01/2025 là 99,33%).



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP)

(5) Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP có tỷ lệ lợi ích là 77,93 % (tại ngày 01/01/2025 là 0%) và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100,00 % (tại ngày 01/01/2025 là 0%).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	527.971.524.884	(129.007.262.199)	441.753.774.419	(121.618.806.120)
- Phải thu khách hàng kinh doanh ổng và phụ kiện	493.745.475.897	(129.007.262.199)	398.351.452.459	(121.618.806.120)
+ Phải thu khách hàng số 1	68.309.556.384	-	5.064.856.389	-
+ Phải thu khách hàng số 2	43.941.545.878	(9.427.717.797)	43.941.545.878	(18.420.678.219)
+ Phải thu khách hàng số 3	64.128.745.826	-	55.299.896.499	(1.802.913.537)
+ Phải thu khách hàng khác	317.365.627.809	(119.579.544.402)	294.045.153.693	(101.395.214.364)
- Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	34.226.048.987	-	43.402.321.960	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	527.971.524.884	(129.007.262.199)	441.753.774.419	(121.618.806.120)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	15.374.470.761	(3.378.490.389)	112.603.118.264	(3.378.490.389)
+ Trả trước cho người bán số 1	15.374.470.761	(3.378.490.389)	112.603.118.264	(3.378.490.389)
+ Trả trước cho người bán số 2	-	-	52.910.230.419	-
+ Trả trước cho người bán số 3	-	-	52.455.319.464	-
+ Trả trước cho người bán khác	6.896.950.000	-	-	-
Dài hạn	8.477.520.761	(3.378.490.389)	7.237.568.381	(3.378.490.389)
Cộng	15.374.470.761	(3.378.490.389)	112.603.118.264	(3.378.490.389)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	71.714.908.422	(967.327.006)	34.259.199.745	(967.327.006)
- Ký quỹ, ký cược	3.343.623.510	-	2.655.034.854	-
- Tạm ứng cho nhân viên	11.847.103.983	-	29.711.410.236	-
- Phải thu khác	584.837.351	-	436.928.073	-
Dài hạn	55.939.343.578	(967.327.006)	1.455.826.582	(967.327.006)
- Ký quỹ, ký cược	1.444.617.353	-	4.693.662.322	-
- Thuế giá trị gia tăng của tài sản thuế tài chính	-	-	2.788.149.724	-
Cộng	1.444.617.353	-	1.905.512.598	-
	73.159.525.775	(967.327.006)	38.952.862.067	(967.327.006)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	45.082.843.647	-	60.978.717.680	-
- Nguyên liệu, vật liệu	119.218.912.591	-	58.255.052.682	-
- Hàng hóa	14.846.804.123	(15.852.210)	13.664.823.364	(15.852.210)
- Thành phẩm	61.518.191.217	(2.082.726.300)	59.848.041.891	(2.082.726.300)
- Hàng gửi đi bán	1.341.483.612	-	9.700.547.526	-
<b>Cộng (*)</b>	<b>242.569.021.517</b>	<b>(2.098.578.510)</b>	<b>202.648.143.143</b>	<b>(2.098.578.510)</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2025 Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng. Chi tiết tại Thuyết minh số 17.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.153.491.444</b>		<b>1.348.194.234</b>	
- Công cụ, dụng cụ	371.931.821		269.266.315	
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	781.559.623		1.078.927.919	
<b>Dài hạn</b>	<b>5.377.748.306</b>		<b>5.914.096.163</b>	
- Công cụ, dụng cụ	1.977.165.614		1.823.613.637	
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	3.400.582.692		4.090.482.526	
<b>Cộng</b>	<b>6.531.239.750</b>		<b>7.262.290.397</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	18.986.909.749	201.889.239.980	10.950.665.119	2.518.881.554	234.345.696.402
- Mua TSCĐ thuê tài chính trong kỳ	-	1.591.659.207	-	-	1.591.659.207
- Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.213.910.640	510.000.000	-	2.723.910.640
30/06/2025	18.986.909.749	205.694.809.827	11.460.665.119	2.518.881.554	238.661.266.249
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(16.199.113.003)	(157.617.067.255)	(7.486.699.334)	(2.219.083.881)	(183.521.963.473)
- Khấu hao trong kỳ	(345.738.736)	(6.573.579.443)	(377.131.530)	(50.713.584)	(7.347.163.293)
- Mua lại TSCĐ TTC	-	(645.053.009)	-	-	(645.053.009)
30/06/2025	(16.544.851.739)	(164.835.699.707)	(7.863.830.864)	(2.269.797.465)	(191.514.179.775)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	2.787.796.746	44.272.172.725	3.463.965.785	299.797.673	50.823.732.929
30/06/2025	2.442.058.010	40.859.110.120	3.596.834.255	249.084.089	47.147.086.474

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 số tiền là: 112.659.544.100 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 107.600.332.896 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang được dùng để làm tài sản đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng tại ngày 30/06/2025 là 12.189.531.818 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 13.574.921.958 đồng)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2025	46.581.235.108	889.363.433	47.470.598.541
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(1.582.952.207)	-	(1.582.952.207)
30/06/2025	44.998.282.901	889.363.433	45.887.646.334
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2025	(13.410.844.706)	(130.948.286)	(13.541.792.992)
- Khấu hao trong kỳ	(4.808.337.920)	(112.241.388)	(4.920.579.308)
- Khấu hao giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	645.053.009	-	645.053.009
30/06/2025	(17.574.129.617)	(243.189.674)	(17.817.319.291)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2025	33.170.390.402	758.415.147	33.928.805.549
30/06/2025	27.424.153.284	646.173.759	28.070.327.043

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2025	455.865.000	455.865.000
30/06/2025	455.865.000	455.865.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2025	(69.174.127)	(69.174.127)
- Khấu hao trong kỳ	(37.988.754)	(37.988.754)
30/06/2025	(107.162.881)	(107.162.881)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2025	386.690.873	386.690.873
30/06/2025	348.702.119	348.702.119

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 số tiền là: 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	226.538.956.411	226.538.956.411	119.371.157.510	119.371.157.510
- Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	226.109.366.929	226.109.366.929	118.739.461.542	118.739.461.542
+ Phải trả người bán số 1	12.872.048.187	12.872.048.187	34.863.515.225	34.863.515.225
+ Phải trả người bán số 2	612.049.541	612.049.541	30.935.667.060	30.935.667.060
+ Phải trả người bán số 3	32.936.805.000	32.936.805.000	15.189.941.745	15.189.941.745
+ Phải trả người bán số 4	43.527.173.744	43.527.173.744	-	-
+ Phải trả người bán số 5	42.329.164.800	42.329.164.800	-	-
+ Phải trả người bán số 6	36.577.691.856	36.577.691.856	1.161.339.960	1.161.339.960
+ Phải trả người bán khác	57.254.433.801	57.254.433.801	37.750.337.512	37.750.337.512
- Phải trả người bán về tài sản cố định ngành nhựa	429.589.482	429.589.482	631.695.968	631.695.968
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	226.538.956.411	226.538.956.411	119.371.157.510	119.371.157.510



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	4.371.727.286	4.371.727.286	6.530.358.562	6.530.358.562
- Người mua trả tiền trước kinh doanh ổng và phụ kiện	3.316.667.172	3.316.667.172	5.475.298.448	5.475.298.448
+ Người mua trả tiền trước số 1	961.677.029	961.677.029	961.677.029	961.677.029
+ Người mua trả tiền trước số 2	744.710.404	744.710.404	744.710.404	744.710.404
+ Người mua trả tiền trước số 3	-	-	1.567.448.346	1.567.448.346
+ Người mua trả tiền trước số 4	700.000.000	700.000.000	-	-
+ Người mua trả tiền trước khác	910.279.739	910.279.739	2.201.462.669	2.201.462.669
- Người mua trả tiền trước kinh doanh bao bì	1.055.060.114	1.055.060.114	1.055.060.114	1.055.060.114
Cộng	4.371.727.286	4.371.727.286	6.530.358.562	6.530.358.562

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.850.377.364		5.834.286.038		2.457.153.928		5.227.509.474	
Cộng	1.850.377.364		5.834.286.038		2.457.153.928		5.227.509.474	

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2025		Số phải thu trong năm		Số đã được khấu trừ/ đã thu		30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.337.391.458		20.912.957.832		21.917.212.499		1.333.136.791	
- Thuế thu nhập cá nhân	538.975.494		1.883.045.482		1.290.884.722		1.131.136.254	
- Thuế xuất, nhập khẩu	10.562.928		357.295.018		325.285.069		42.572.877	
- Các loại thuế khác	3.060.000		9.200.000		12.260.000		-	
Cộng	2.889.989.880		23.162.498.332		23.545.642.290		2.506.845.922	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		30/06/2025	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.293.721.341.382</b>	<b>1.293.721.341.382</b>	<b>1.255.056.919.310</b>	<b>1.277.136.109.974</b>	<b>1.271.642.150.718</b>	<b>1.271.642.150.718</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	468.081.660.184	468.081.660.184	385.043.196.362	416.527.180.829	436.597.675.717	436.597.675.717
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn	197.800.347.727	197.800.347.727	240.039.377.518	241.171.574.503	196.668.150.742	196.668.150.742
- Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP.HCM	138.518.317.187	138.518.317.187	116.633.710.745	202.468.330.505	52.683.697.427	52.683.697.427
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	99.780.584.229	99.780.584.229	99.985.087.937	99.780.584.229	99.985.087.937	99.985.087.937
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	144.942.886.985	144.942.886.985	208.596.003.805	175.984.928.765	177.553.962.025	177.553.962.025
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Thăng Long	44.725.704.873	44.725.704.873	93.500.000.000	44.725.704.873	93.500.000.000	93.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	49.599.809.465	49.599.809.465	49.649.630.477	49.599.809.465	49.649.630.477	49.649.630.477
- Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	41.726.679.826	41.726.679.826	61.249.912.466	41.726.679.826	61.249.912.466	61.249.912.466
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	9.265.350.906	9.265.350.906	-	5.151.316.979	4.114.033.927	4.114.033.927
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (1)	99.280.000.000	99.280.000.000	360.000.000	-	99.640.000.000	99.640.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Bền,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		30/06/2025	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Dài hạn</b>	175.090.086.247	175.090.086.247	7.568.750.000	10.000.000.000	172.658.836.247	172.658.836.247
- Các Tổ chức và cá nhân khác (2)	14.200.000.000	14.200.000.000	7.400.000.000	-	21.600.000.000	21.600.000.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn (3)	12.155.711.247	12.155.711.247	-	-	12.155.711.247	12.155.711.247
- Trái phiếu dài hạn (1)	148.734.375.000	148.734.375.000	168.750.000	10.000.000.000	138.903.125.000	138.903.125.000
<b>Cộng</b>	1.468.811.427.629	1.468.811.427.629	1.262.625.669.310	1.287.136.109.974	1.444.300.986.965	1.444.300.986.965

Công ty vay các khoản vay ngân hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay ngân hạn từ ngân hàng vào ngày lập báo cáo tài chính chịu lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân. Chi tiết thể hiện như sau:

STT	Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Hạn mức	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Trường Sơn	Từ ngày 08/08/2025 đến ngày 10/12/2025	200 tỷ đồng	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty. Cổ phiếu của DNP sở hữu bởi Ban lãnh đạo của Công ty
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa - Đồng Nai	Từ ngày 25/06/2025 đến ngày 29/10/2025	500 tỷ đồng	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty
3	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP.HCM	Từ ngày 01/08/2025 đến ngày 05/09/2025	8,8 triệu usd	Tín chấp
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế - Chi nhánh TP.HCM	Từ ngày 22/08/2025 đến ngày 28/11/2025	100 tỷ đồng	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	Từ ngày 20/07/2025 đến ngày 26/12/2025	300 tỷ đồng	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng, và hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Hạn mức	Hình thức đảm bảo			
6	Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Sở giao dịch Đồng Nai	Từ ngày 09/09/2025 đến ngày 06/11/2025	100 tỷ đồng	Tín chấp			
7	Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 18/02/2025 đến ngày 10/02/2026	200 tỷ đồng	Cổ phiếu của bên thứ ba			
8	Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Từ ngày 17/08/2025 đến ngày 01/09/2025	2,5 triệu usd	Tín chấp			
(1) Trái phiếu							
		Tại 01/01/2025 (VND)	Tại 30/06/2025 (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	99.280.000.000	99.640.000.000	5 năm	8,7	Bổ sung vốn lưu động	Cổ phần của Công ty tại một số công ty con
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	148.734.375.000	138.903.125.000	48 tháng	11,0	Tái cơ cấu nợ	Đảm bảo bằng cổ phần
	Tổng cộng	248.014.375.000	238.543.125.000				
	Trong đó:						
	Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	99.280.000.000	99.640.000.000				
	Trái phiếu dài hạn	148.734.375.000	138.903.125.000				

(2) Các Tổ chức và cá nhân khác

Đây là Khoản vay với các Tổ chức và cá nhân khác có lãi suất là 11%, thời hạn vay là 5 năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp. Mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**(3) Nợ thuế tài chính dài hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
				Nợ gốc
Dài hạn đến hạn trả	5.649.434.633	1.535.400.706	11.978.156.551	2.712.805.645
Dài hạn	12.416.338.659	260.627.412	12.759.892.974	604.181.727
Cộng	18.065.773.292	1.796.028.118	24.738.049.525	3.316.987.372
				21.421.062.153

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.360.978.555</b>	<b>12.483.060.280</b>
- Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	14.120.369.863	-
- Chi phí lãi vay	3.365.875.062	7.426.119.002
- Trích trước chi phí lương	115.254.629	1.184.081.966
- Cước vận chuyển	1.574.011.419	1.708.108.215
- Khác	4.185.467.582	2.164.751.097
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>23.360.978.555</b>	<b>12.483.060.280</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Công ty thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi hai bên quyết toán các khoản đầu tư.

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>362.537.470</b>	<b>240.356.746</b>
- Kinh phí công đoàn	362.537.470	234.967.196
- Phải trả khác	-	5.389.550
<b>Dài hạn</b>	<b>460.000.000.000</b>	<b>466.700.000.000</b>
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	460.000.000.000	466.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>460.362.537.470</b>	<b>466.940.356.746</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Công ty thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi hai bên quyết toán các khoản đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	1.189.099.130.000	270.847.905.480	(28.342.000)	725.180.292	176.653.513.288	1.637.297.387.060						
Lãi năm trước	-	-	-	-	40.756.376.864	40.756.376.864						
Tăng vốn	220.649.330.000	236.050.670.000	-	-	-	456.700.000.000						
31/12/2024	1.409.748.460.000	506.898.575.480	(28.342.000)	725.180.292	217.409.890.152	2.134.753.763.924						
01/01/2025	1.409.748.460.000	506.898.575.480	(28.342.000)	725.180.292	217.409.890.152	2.134.753.763.924						
Lãi kỳ này	-	-	-	-	18.787.343.008	18.787.343.008						
30/06/2025	1.409.748.460.000	506.898.575.480	(28.342.000)	725.180.292	236.197.233.160	2.153.541.106.932						

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
+ Vốn góp cuối kỳ	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.3. CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Vốn góp của các cổ đông	1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
<b>Cộng</b>	<b>1.409.748.460.000</b>	<b>1.409.748.460.000</b>

**20.4. CỔ PHIẾU**

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.974.846	140.974.846
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.974.846	140.974.846
+ Cổ phiếu phổ thông	140.974.846	140.974.846
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
+ Cổ phiếu phổ thông	8.810	8.810
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	140.966.036
+ Cổ phiếu phổ thông	140.966.036	140.966.036
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	439.085,77	50.963,07

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa	1.482.753.063.114	1.413.910.858.638
- Doanh thu khác	286.870.340	236.860.046
<b>Cộng</b>	<b>1.483.039.933.454</b>	<b>1.414.147.718.684</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Hàng bán bị trả lại	53.686.313	-
- Chiết khấu thương mại	235.838.388	-
<b>Cộng</b>	<b>289.524.701</b>	<b>-</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.362.506.452.616	1.282.081.555.748
<b>Cộng</b>	<b>1.362.506.452.616</b>	<b>1.282.081.555.748</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	7.305.927.476	5.278.457.050
- Lãi từ hợp tác đầu tư	15.188.532.877	7.882.767.123
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	3.916.642.846	3.321.526.825
- Doanh thu tài chính khác	1.691.901	-
<b>Cộng</b>	<b>26.412.795.100</b>	<b>16.482.750.998</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	46.929.712.142	51.688.925.478
- Chi phí hợp tác đầu tư	14.120.369.863	12.936.230.137
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.956.420.228	6.189.577.780
- Chi phí tài chính khác	2.462.174.686	3.192.956.211
<b>Cộng</b>	<b>68.468.676.919</b>	<b>74.007.689.606</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân viên	4.870.175.976	4.325.023.892
- Chi phí vật liệu, dụng cụ	1.036.430.756	901.911.617
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.264.706	771.038.415
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.340.478.852	13.738.768.120
- Chi phí khác bằng tiền	2.061.351.631	929.971.548
<b>Cộng</b>	<b>23.856.701.921</b>	<b>20.666.713.592</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	11.822.231.634	7.941.607.449
- Chi phí đồ dùng văn phòng	704.370.033	1.265.538.614
- Chi phí khấu hao TSCĐ	439.711.982	500.032.375
- Thuế, phí và lệ phí	1.145.604.076	1.021.217.691
- Chi phí dự phòng	7.388.456.120	12.918.230.727
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.082.527.203	7.843.503.230
- Chi phí bằng tiền khác	661.900.102	270.800.399
<b>Cộng</b>	<b>29.244.801.150</b>	<b>31.760.930.485</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thu nhập từ bán tài sản bán tái thuê	-	24.537.079.435
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	129.432.963	924.832.900
- Thu nhập khác	243.432.611	47.236.345
<b>Cộng</b>	<b>372.865.574</b>	<b>25.509.148.680</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá trị còn lại của tài sản bán tái thuê	-	24.537.079.435
- Chi phí cho thuê tài sản	-	694.491.038
- Các khoản bị phạt	615.814.471	-
- Chi phí khác	221.993.304	157.273.460
<b>Cộng</b>	<b>837.807.775</b>	<b>25.388.843.933</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân công	29.627.756.947	24.658.830.072
- Chi phí nguyên vật liệu	1.313.539.639.512	1.236.185.746.730
- Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.293.958.017	1.530.179.078
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.305.731.355	11.977.952.653
- Thuế phí lệ phí	1.145.604.076	1.021.217.691
- Dự phòng phải thu khó đòi	7.388.456.120	12.918.230.727
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.536.287.916	43.507.529.579
- Chi phí bằng tiền khác	3.770.521.744	2.709.513.295
<b>Cộng</b>	<b>1.415.607.955.687</b>	<b>1.334.509.199.825</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>24.621.629.046</b>	<b>22.233.884.998</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>1.486.185.548</b>	<b>2.017.936.243</b>
Chi phí không được trừ	1.486.185.548	2.017.936.243
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>26.107.814.594</b>	<b>24.251.821.241</b>
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>26.107.814.594</b>	<b>24.251.821.241</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>5.221.562.919</b>	<b>4.850.364.247</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước theo QĐ số 1204/QĐ-XPHC-DON ngày 08/05/2025	612.723.119	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.834.286.038</b>	<b>4.850.364.247</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

6 tháng đầu năm 2024	Doanh thu nội địa VND	Doanh thu xuất khẩu VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.263.543.155.560	150.604.563.124	1.414.147.718.684
Giá vốn hàng bán	1.133.629.776.875	148.451.778.873	1.282.081.555.748
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng</b>	<b>129.913.378.685</b>	<b>2.152.784.251</b>	<b>132.066.162.936</b>
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>			
Tài sản ngắn hạn			1.454.544.813.752
Tài sản dài hạn			2.768.796.848.384
Nợ ngắn hạn			1.444.818.062.606
Nợ dài hạn			643.769.835.606
<b>Tài sản thuần</b>			<b>2.134.753.763.924</b>
<b>6 tháng đầu năm 2025</b>	<b>Doanh thu nội địa VND</b>	<b>Doanh thu xuất khẩu VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.331.002.470.493	151.747.938.260	1.482.750.408.753
Giá vốn hàng bán	1.212.651.669.669	149.854.782.947	1.362.506.452.616
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng</b>	<b>118.350.800.824</b>	<b>1.893.155.313</b>	<b>120.243.956.137</b>
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>			
Tài sản ngắn hạn			1.554.811.703.395
Tài sản dài hạn			2.772.081.577.614
Nợ ngắn hạn			1.539.128.589.313
Nợ dài hạn			634.223.584.764
<b>Tài sản thuần</b>			<b>2.153.541.106.932</b>

**34. CÁC CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

**Cam kết thuê hoạt động**

	30/06/2025	01/01/2025
- Đến 1 năm	8.196.327.156	8.197.349.536
- Trên 1 - 5 năm	5.750.621.209	12.073.631.315
<b>Cộng</b>	<b>13.946.948.365</b>	<b>20.270.980.851</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***34. CÁC CAM KẾT (TIẾP)****Cam kết thanh toán**

Công ty đã cam kết thanh toán cho các đợt phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần CMC – Công ty con của Công ty với tổng giá trị là 700.000.000.000 VND và sử dụng 7.261.964 cổ phiếu của CMC làm tài sản thế chấp.

**35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 THÔNG TIN KHÁC VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	-	-
Ban Tổng Giám đốc	1.959.270.999	978.700.000
Tổng Giám đốc	851.830.819	373.000.000
Phó Tổng Giám đốc	567.440.180	244.700.000
Phó Tổng Giám đốc	540.000.000	361.000.000
Tổng	1.959.270.999	978.700.000

**35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**35.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty không phát si nh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**35.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.



**Trịnh Kiên**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**Phạm Thị Thu Hằng**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Hữu Quân**  
**Người lập biểu**